

KẾT LUẬN THANH TRA TÀI CHÍNH
Tại Ủy Ban nhân dân thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc Thanh tra tài chính tại UBND các xã, thị trấn: Gio Mỹ, Trung Giang, Gio Hải, Gio Linh, Cửa Việt huyện Gio Linh.

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả thanh tra số 05/BC-ĐTTr ngày 24/4/2024 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài chính Quảng Trị kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

UBND thị trấn Cửa Việt (gọi tắt là UBND thị trấn), là một đơn vị hành chính trực thuộc UBND huyện Gio Linh, thị trấn nằm ở phía đông huyện Gio Linh, cách Trung tâm huyện Gio Linh khoảng 13 km; phía Đông giáp với Biển Đông, Phía Bắc giáp xã Gio Hải, Phía Tây giáp xã Gio Thành (cũ), Phía Nam giáp xã Gio Việt. Tổng số hộ 1.200 hộ, nhân khẩu 5.500 người (trong đó hộ nghèo 32 hộ chiếm 3,89%; hộ cận nghèo 35 hộ chiếm 3,31%.

Tổng số cán bộ, công chức 27 người, trong đó: cán bộ chuyên trách, công chức có 20 người, hoạt động không chuyên trách: 07 người. Chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực kinh tế: Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; lập dự toán thu chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán trên địa bàn; tổ chức thực hiện ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc quản lý ngân sách và báo cáo về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; quản lý và sử dụng hợp lý quỹ đất, xây dựng và quản lý các công trình công cộng; huy động sự đóng góp các tổ chức, cá nhân để xây dựng kết cấu hạ tầng trên tinh thần dân chủ, tự nguyện; thực hiện quản lý quỹ có kiểm tra, giám sát và đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

UBND thị trấn được ngân sách đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và không thường xuyên để tổ chức các hoạt động, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị và quản lý nhà nước trên địa bàn.

Năm 2023, tổng thu ngân sách: 8.801.480.180 đồng, trong đó: Thu kết dư ngân sách, thu chuyển nguồn: 2.746.413.898 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 5.105.076.000 đồng, bao gồm: Bổ sung cân đối ngân sách 4.660.900.000 đồng và bổ sung có mục tiêu 444.176.000 đồng; các khoản thu được hưởng 100%: 31.894.000 đồng và thu ngân sách phân chia theo tỷ lệ 918.096.282 đồng.

Tổng chi thường xuyên 5.927.371.200 đồng, chi chuyển nguồn năm sau: 2.874.108.980 đồng. Để quản lý các nguồn thu, các nhiệm vụ chi và các nội dung tài chính liên quan; UBND thị trấn đã bố trí 01 công chức có trình độ đại học, làm công tác kế toán.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

B1. TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG THU	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)
Tổng số thu cân đối ngân sách	8.801.480.180	100,00	Tổng số chi cân đối ngân sách	8.801.480.180	100,00
1. Các khoản thu được hưởng 100%	31.894.000	0,3	Chi đầu tư phát triển	0	0
2. Các khoản thu phân theo tỷ lệ	918.096.282	10,43	Chi thường xuyên	5.927.371.200	67,35
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.105.076.000	58,2	Chi chuyển nguồn ngân sách	2.874.108.980	32,65
4. Kết dư ngân sách, chuyển nguồn	2.746.413.898	31,1	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0	0

B2. CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VỀ XÂY LẬP TỪ 01/01/2022 - 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

TT	NĂM CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	GIÁ TRỊ NGHIỆM THU	SỐ TIỀN ĐÃ THANH TOÁN
1	Năm 2023	1.080.035.000	1.080.035.000
	Tổng cộng	1.080.035.000	1.080.035.000

B3. QUẢN LÝ TÀI SẢN CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT

TT	Đơn vị	Tổng hợp		
		Chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chưa làm chuyển đổi tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xác định giá trị quyền sử dụng đất chưa đúng quy định
1	2	3	4	5
	UBND thị trấn Cửa Việt (13 cơ sở)	6 cơ sở	2 cơ sở	07 cơ sở

(Chi thường xuyên; chi xây dựng cơ bản; quản lý cơ sở nhà, đất có bảng chi tiết đính kèm)

C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

I. Ưu điểm

1. Chi thường xuyên

- Tổng số chi thường xuyên trong năm 5.927.371.200 đồng; việc sử dụng kinh phí cơ bản đúng mục đích, hiệu quả nhằm phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của UBND thị trấn.

- Việc mở sổ sách, sử dụng tài khoản và lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính; thực hiện khá tốt các chính sách tài chính hiện hành, đáp ứng việc tập hợp và quyết toán các nguồn kinh phí.

- Chấp hành việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước cơ bản đảm bảo quy định hiện hành; tổ chức lưu trữ, sắp xếp chứng từ, tài liệu thuận tiện cho thanh tra.

- Thực hiện công tác hạch toán kế toán; quản lý ngân sách theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (gọi tắt Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính); Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính có liên quan.

- Chấp hành việc phân cấp quản lý: cụ thể quản lý ngân sách, phân cấp quản lý giá, mua sắm tài sản... cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật.

- Đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thông qua Hội nghị cán bộ, công chức và người lao động; đã phát huy có hiệu quả trong việc giải ngân các nguồn kinh phí và tài sản công do UBND thị trấn quản lý và sử dụng.

2. Chi xây dựng cơ bản

- UBND thị trấn đã tuân thủ cơ bản các Quy định về trình tự đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành, từ khâu chuẩn bị đầu tư đến quản lý thực hiện đầu tư: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình; thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- UBND thị trấn cơ bản thực hiện Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 14/9/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số quy định về Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công và các văn bản có liên quan.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách thị trấn năm 2023

1.1. Về Thu ngân sách: Tổng thu đưa vào cân đối ngân sách đã qua Kho bạc Nhà nước: 8.801.480.180 đồng, bằng 172,35% so với dự toán huyện giao và bằng 172,35% so với dự toán trình HĐND thị trấn, trong đó:

+ Thu trên địa bàn đưa vào cân đối ngân sách: 949.990.282 đồng, bằng 340% so với dự toán huyện giao và bằng 340% so với dự toán HĐND thị trấn (*các khoản thu xã hưởng 53,16%: 31.894.000 đồng; các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 419,99%; 918.096.282 đồng*).

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.105.076.000 đồng (*thu bổ sung cân đối: 4.660.900.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu: 444.176.000 đồng*).

+ Thu chuyển nguồn ngân sách 2022 chuyển sang: 2.746.413.898 đồng

1.2. Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách thị trấn đã qua Kho bạc Nhà nước năm 2023 là: 8.801.479.380 đồng, Trong đó: Chi sự nghiệp: 1.015.173.620 đồng; Chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể: 4.912.197.580 đồng; Chi chuyển nguồn sang năm sau: 2.874.108.180 đồng.

*** Qua kiểm tra việc thực hiện thu ngân sách cho thấy:**

Nhìn chung, UBND thị trấn đã thực hiện dự toán thu, chi tương đối tốt; các khoản thu, chi phản ánh đầy đủ trong hệ thống sổ kế toán và nộp Kho bạc Nhà nước kiểm soát cơ bản đảm bảo quy định.

- Một số khoản thu vượt so với dự toán huyện giao như: Thuế thu nhập cá nhân 504.667.873 đồng, bằng 444,64 %; Thuế GTGT 126.844.910 đồng, bằng 160,36 %. Tổng nguồn tăng thu ngân sách xã so với dự toán huyện giao trong năm 2023 là 949.990.282 đồng.

- Một số khoản thu không đạt dự toán huyện giao như: Thu Phí lệ phí 31.894.000 đồng, đạt 86,20%.

- Một số khoản chi chưa đạt dự toán huyện giao (Gồm: Chi sự nghiệp giáo dục đạt 17,9%)

2. Về Công tác kiểm kê tài sản: Căn cứ Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 40 Luật kế toán 2015, quy định: “1. Kiểm kê tài sản là việc cân, đong, đo, đếm số lượng; xác nhận và đánh giá chất lượng, giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán. 3. Sau khi kiểm kê tài sản, đơn vị kế toán phải lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, đơn vị kế toán phải xác định nguyên nhân và phải phản ánh số chênh lệch, kết quả xử lý vào sổ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.”.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật kế toán 2015 quy định về kiểm kê tài sản “2. Đơn vị kế toán phải kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau đây: a) Cuối kỳ kế toán năm...”.

Căn cứ quy định nêu trên, cuối kỳ kế toán năm đơn vị phải tiến hành kiểm kê tài sản cố định (TSCĐ), công cụ, dụng cụ (CCDC) nhằm đánh giá, xác định giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán. Công tác kiểm kê tại UBND thị trấn chưa đảm bảo quy định, cụ thể:

- Có thành lập Hội đồng kiểm kê nhưng Hội đồng không tiến hành kiểm kê tài sản (TSCĐ, CCDC) đảm bảo quy định.

- Không có lập Biên bản kiểm kê các phòng, ban trực tiếp sử dụng tài sản để xác định trách nhiệm của các bộ phận, người được giao sử dụng tài sản khi làm mất mát, hư hỏng tài sản.

- Không có Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản theo quy định

- UBND thị trấn chưa chủ động rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC đã hết hao mòn đã lâu, không còn sử dụng. Đề nghị cuối niên độ kế toán thành lập hội đồng đánh giá lại tài sản cuối năm để thực hiện rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC cuối năm; trường hợp tài sản đó không còn sử dụng thì tiến hành thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý đảm bảo theo quy định; xác định nhu cầu mua sắm trang thiết bị nhằm thay thế trang thiết bị đã cũ, không còn sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc.

- Không tiến hành kiểm kê Quỹ tiền mặt cuối năm; Không có biên bản kiểm kê Quỹ tiền mặt; không thành lập Hội đồng kiểm kê Quỹ.

Đánh giá, công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt chưa được chú trọng, một trong nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch nguyên giá, hao mòn & giá trị còn lại đối với TSCĐ và giá trị đối với CCDC giữa sổ sách và thực tế.

* Căn cứ khoản 1 Điều 16 Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản

“Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê hoặc báo cáo kết quả kiểm kê không có đầy đủ chữ ký theo quy định;”

Xử phạt vi phạm hành chính UBND thị trấn Cửa Việt, với số tiền: **1.000.000 đồng** (Một triệu đồng chẵn) - Có biên bản kèm theo (Ngày 04/4/2024).

3. Theo Báo cáo của UBND thị trấn trong năm không có phát sinh tăng tài sản. Tuy nhiên, qua kiểm tra Đoàn thanh tra nhận thấy UBND thị trấn có mua sắm tài sản, cụ thể: Mua 02 máy in canon phục vụ công tác, với nguyên giá: 9.100.000 đồng nhưng không phản ánh tăng tài sản nói trên vào sổ sách kế toán tài sản.

4. **Việc theo dõi, phản ánh vào Sổ TSCĐ, CCDC:** Thực hiện Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. UBND thị trấn đã mở sổ theo dõi TSCĐ để phản ánh nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản nhằm theo dõi, quản lý (S24-H - Thông tư 107/2017/TT-BTC) nhưng không mở sổ theo dõi tài sản là CCDC đang quản lý, sử dụng. Đề nghị UBND thị trấn rà soát tài sản CCDC để phản ánh và theo dõi, quản lý.

5. **Phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào Sổ Kế toán:** UBND thị trấn phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào sổ sách kế toán để theo dõi và quản lý; việc áp giá đất đã lâu không còn phù hợp với giá trị theo quy định tại thời điểm hiện tại (Giá trị phản ánh vào Sổ sách kế toán 07 cơ sở: Trung tâm học tập CĐ Khu phố 1: 932,904 tr; TTHTCĐ Khu phố 2: 722,880 tr; TTHTCĐ Khu phố 3,8: 1,413,720 tr; TTHTCĐ KP 4: 425,520tr; TTHTCĐ KP 5: 1,473,264 tr; TTHTCĐ KP 6: 747,360 tr; TTHTCĐ KP 7: 1,914,840 tr. Yêu cầu UBND thị trấn căn cứ bảng giá theo quy định hiện nay để áp giá và phản ánh vào Sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản

công: “1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán vào giá trị tài sản và theo dõi trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...” và quy định Điều 100 đến Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ để thực hiện.

6. Xác định hao mòn tài sản cố định vô hình: Căn cứ loại 4 Phụ lục số 01 tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. Quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình đối với các phần mềm tỷ lệ hao mòn 20%/năm và thời gian sử dụng 5 năm. Tuy nhiên, UBND thị trấn không tính hao mòn tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác là chưa đảm bảo theo quy định nói trên.

7. Việc quản lý, sử dụng tài sản là Đất đã lâu nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD Đất (06 cơ sở nhà đất TTHTCĐ) để phản ánh và theo dõi vào Sổ sách kế toán là không đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: “1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán vào giá trị tài sản và theo dõi trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...” và quy định Điều 100 đến Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ để thực hiện. của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và tại Điều 40 Luật Kế toán năm 2015, gây khó khăn trong việc kiểm kê tài sản là đất khi phản ánh, theo dõi vào Sổ tài sản (TSCĐ vô hình) và lập Báo cáo tài chính.

Không có Giấy chứng nhận QSD Đất: Đề nghị UBND thị trấn sớm làm việc với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các cơ sở Đất đang quản lý để phản ánh vào Sổ kế toán theo dõi, quản lý đảm bảo theo quy định Luật đất đai có hiệu lực từ năm 2013; Nghị định 151/2017/NĐ-CP năm 2017 của Chính phủ và khoản 3 Công văn số 2225/UBND-TCTM ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, cụ thể: “Đối với các cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất liên hệ cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về

đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”.

8. Tách nguồn

Trong năm, UBND thị trấn không thể hiện rõ nguồn cải cách tiền lương, nguồn dự phòng, kết dư ngân sách mà đưa vào nội dung chuyển nguồn sang năm sau, năm 2022-2023: 2.746.413.898 đồng; năm 2023-2024: 2.874.108.180 đồng là chưa đảm bảo với quy định tại Điều 72: Xử lý kết dư ngân sách và Điều 10: Dự phòng ngân sách theo Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội. Đề nghị UBND thị trấn xác định rõ từng nguồn kinh phí để theo dõi, quản lý đảm bảo quy định (trong đó: Nguồn CCTL; nguồn dự phòng; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; nguồn bổ sung sau 30/9...)

9. Cuối năm 2023, UBND thị trấn lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thu chi ngân sách chưa phù hợp với quy định. Theo quy định, UBND thị trấn lập 02 báo cáo: Báo cáo quyết toán theo Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã (gọi tắt Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính) và Báo cáo tài chính tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán và tài chính xã (gọi tắt Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính). Tại báo cáo UBND thị trấn lập; chỉ lập một báo cáo, vừa thừa, vừa thiếu báo biểu và không đảm bảo trình tự theo 02 thông tư nêu trên.

10. Theo Thông báo của Cơ quan BHXH tháng 12/2023; đến 31/12/2023, UBND xã nộp thiếu BHXH, BHYT: 16.984 đồng. Theo quy định TK 332 phải có dư có, nhưng TK này có số có bằng 0, là chưa phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Đề nghị UBND thị trấn cuối niên độ kế toán làm việc với cơ quan BHXH để xác định số thừa, thiếu nhằm điều chỉnh đảm bảo theo quy định nói trên.

11. **Quỹ tài chính ngoài ngân sách:** Theo báo cáo của UBND thị trấn Cửa Việt các Quỹ trong năm 2023.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn cuối năm
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	89.893.000	28.240.000	50.316.900	67.816.100
2	Quỹ bảo trợ trẻ em	60.286.100	0	5.000.000	55.286.100

3	Quỹ khuyến học	15.859.000	20.890.000	18.870.000	17.879.000
4	Quỹ phát triển y tế	54.010.000	0	54.676.000	(666.000)
5	Quỹ CS người cao tuổi	3.550.000	8.230.000	8.400.000	3.380.000
6	Quỹ ANQP	10.000.000	0	0	10.000.000
7	Quỹ người nghèo	96.224.000	49.797.000	89.200.000	56.821.000
8	Quỹ phòng chống thiên tai	80.598.757	15.685.000	0	96.283.757
9	Quỹ sự nghiệp giao dục	1.880.000	0	0	1.880.000
	Tổng cộng	412.300.857	122.842.000	226.462.900	309.345.291

Nhận xét:

- Thu, chi các quỹ UBND thị trấn cơ bản đảm bảo, đã chi theo đúng tính chất, nội dung hình thành quỹ. Tuy nhiên, UBND thị trấn phản ánh vào TK 431 Quỹ phòng chống thiên tai là chưa đảm bảo quy định tại phụ lục kèm theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Đề nghị UBND thị trấn hạch toán khoản thu này qua TK 336 - các khoản thu hộ, chi hộ.

- Đề nghị UBND xã không duy trì Quỹ an ninh - quốc phòng: Nghị định 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ (có hiệu lực từ ngày 21/02/2016) và Nghị định 03/2016/NĐ-CP cho đến nay cũng đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định 72/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ. Trong Nghị định 03/2016/NĐ-CP và Nghị định 72/2020/NĐ-CP không còn quy định nào về quỹ an ninh - quốc phòng.

12. Xây dựng cơ bản

Chủ Đầu tư cơ bản tuân thủ các Quy định về trình tự đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành từ khâu chuẩn bị đầu tư đến quản lý thực hiện đầu tư (Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình; Thẩm định báo cáo KTKT, phê duyệt báo cáo KTKT, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình); Tuy nhiên, còn tồn tại:

Một số Hóa đơn bán hàng hoặc GTGT của đơn vị nhận thầu xuất hóa đơn chậm theo quy định tại Điều 16 - Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ “*Ngày hóa đơn đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền*” (nay là quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022).

13. Chi tiền điện hộ nghèo

- Năm 2022 chuyển sang: 0 đồng
- Thu trong năm Quý I: 5.318.400 đồng; Quý II, III: 10.636.800 đồng; Quý IV: 5.318.400 đồng; Tổng kinh phí: 21.273.600 đồng.
- Chi trong năm: 89.914.200 đồng

Chi tiền điện cho hộ nghèo và Hộ chính sách tại UBND thị trấn, còn tồn tại: Chi trả tiền điện Quý I, II, III, IV năm 2023, nhưng đến tháng 01/2024 mới thanh toán tiền điện cho các hộ chính sách, hộ nghèo.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội “*Thực hiện rút kinh phí, phân công cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ làm công tác giảm nghèo, trưởng thôn, ấp, bản tổ chức thực hiện chi trả bằng tiền mặt trực tiếp đến từng hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trên địa bàn mỗi quý 1 lần và hoàn thành chi trả trước ngày 25 của tháng thứ 2 trong quý. Trường hợp quý sau căn cứ hóa đơn thanh toán tiền điện của hộ chính sách xã hội nếu vượt sản lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt (trên 50 kwh) trong tháng của quý trước, thì số tiền thanh toán cho đối tượng được hưởng điều chỉnh giảm (hoặc thu hồi) vào quý sau.*

Đề nghị UBND thị trấn nghiêm túc thanh toán kinh phí cho hộ nghèo, hộ chính sách kịp thời, đảm bảo thời gian theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính.

14. Năm 2023, UBND thị trấn chưa thực hiện công khai: Số liệu thu chi ngân sách hàng quý; mua sắm tài sản theo Điều 1, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; quy trình đầu tư XDCB theo quy định tại Thông tư 10/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính; ngân sách theo quy định tại khoản

1, khoản 2 Điều 17, Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách về việc công khai các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 15: Tất cả các nguồn kinh phí liên quan đến tài chính xã, được thực hiện bằng các hình thức: Niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã (nếu xã có hệ thống truyền thanh); công khai các quỹ công chuyên dùng theo Thông tư 19/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính; yêu cầu UBND thị trấn nghiêm túc thực hiện công tác này theo quy định của pháp luật.

15. Kiểm tra số dư tiền gửi tại KBNN của UBND thị trấn Cửa Việt: Qua kiểm tra, UBND thị trấn có thể hiện số tiền 3.492.400 đồng, nội dung: chi trả tiền thai sản năm 2021, do không có đối tượng chi trả. Thu hồi vào NSNN số tiền: **3.492.400 đồng** (Ba triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn, bốn trăm đồng).

16. Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung hằng năm không phải Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023

- Tại Quyết định

+ Điều chỉnh căn cứ theo hướng đảm bảo đầy đủ nội dung pháp lý: Nghị định 130/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức & người lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Bổ sung số, ngày tháng tại quyết định của Quy chế.

+ Quy chế không có chữ ký của BCH Công đoàn tại Hội nghị CBCC.

- Tại Quy chế

+ Bỏ Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (do đã hết hiệu lực)

+ Bổ sung tại khoản 1 điều 7 Chương II: “Theo Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022, trường hợp số giờ làm thêm trong 01 năm, từ 200 giờ đến 300 giờ/năm. Nhà Trường phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

17. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công

- Tại Quyết định: Căn cứ điều chỉnh theo hướng gọn, nhưng đầy đủ: Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản, Nghị định 151/2017/NĐCP của Chính phủ, Thông tư 144/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 151/NĐ-CP của Chính

phủ, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và xét đề nghị của Công chức tài chính kế toán.

+ Bổ sung: Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh.

+ Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức và người lao động (là đối tượng quản lý, sử dụng tài sản).

+ Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được điều chỉnh, bổ sung hàng năm không phải quy chế năm 2024.

- Tại Quy chế

Rà soát, viết lại theo hướng dẫn được quy định tại Điều 7 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

18. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư

Căn cứ Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Các công trình thuộc UBND xã làm chủ đầu tư thuộc nhóm C, theo đó thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán công trình phê duyệt: 04 tháng; Thời gian thẩm tra quyết toán: 03 tháng; Thời gian phê duyệt quyết toán: 15 ngày. Do đó, một số công trình đã quá thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo thời gian quy định nói trên, cụ thể:

STT	Tên Công trình	Ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng	Ghi chú
	Công trình triển khai thực hiện trong năm 2022, chủ đầu tư: UBND thị trấn Cửa Việt		
1	Sân thể dục thể thao trường THCS thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, hoán đổi đất, tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng	Tháng 12/2022	Theo báo cáo của UBND thị trấn; đã gửi hồ sơ cho Phòng TC-KH huyện Gio Linh thẩm định

Đề nghị UBND thị trấn Cửa Việt liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xét duyệt quyết toán các công trình trong năm 2022 đảm bảo quy định (tại thời điểm kiểm tra 15/3/2024 đã quá thời gian theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ).

19. UBND thị trấn phát sinh tài sản trong năm 2022 đã nghiêm thu, thanh toán và được phê duyệt quyết toán nhưng không phản ánh tăng TSCĐ các công trình vào Sổ sách kế toán để theo dõi, quản lý, cụ thể:

STT	Tên tài sản cố định	Năm đưa vào sử dụng	Ghi chú
I	Các công trình, dự án chưa phản ánh vào sổ tài sản cố định		
1	Trạm y tế thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất	Tháng 12/2022	Thiếu ghi tăng TSCĐ

III. KIẾN NGHỊ: Đề không ngừng nâng cao hiệu quả và hoàn thiện công tác quản lý tài chính đối với UBND thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh; Thanh tra Sở Tài chính kiến nghị:

A. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gio Linh

1. Tăng cường công tác kiểm tra tài chính, thông qua xét duyệt quyết toán hàng năm đối với UBND thị trấn theo chức năng quản lý nhà nước về tài chính trên địa bàn.

2. Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng tài sản; công tác kiểm kê, phản ánh và theo dõi, quản lý tài sản đảm bảo quy định tại điều 40 Luật Kế toán 2015 và Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chỉ đạo UBND thị trấn chi trả chế độ chi tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách đảm bảo thời gian được quy định tại Điều 5 Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

4. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đảm bảo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

5. Chỉ đạo và đôn đốc UBND thị trấn nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu bên dưới và nộp vào ngân sách nhà nước khi có Quyết định thu hồi; xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Sở Tài chính.

B. Ủy ban nhân dân thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh: Yêu cầu Chủ tịch UBND thị trấn Cửa Việt chỉ đạo các bộ phận và cá nhân liên quan khắc phục kịp thời các hạn chế đã chỉ ra tại Phần II: tồn tại, hạn chế và thực hiện đầy đủ kịp thời các nội dung sau:

1. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán tại Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, với số tiền: **1.000.000 đồng** (Một triệu đồng chẵn), do không lập báo cáo kết quả kiểm kê tài sản theo quy định.

2. Thu hồi vào ngân sách nhà nước, số tiền: **3.492.400 đồng** (Ba triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn, bốn trăm đồng), đang thể hiện tại tài khoản tiền gửi của UBND thị trấn nhưng không xác định các khoản phải trả từ các năm trước chuyển sang.

3. Phối hợp có hiệu quả với các cơ quan liên quan để thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách đảm bảo thời gian quy định tại Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Nghiêm túc thực hiện công khai các nội dung, được nêu tại khoản 14, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Cuối năm, nghiêm túc thực hiện lập Báo cáo quyết toán và Báo cáo tài chính theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 và Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

6. Phản ánh vào sổ kế toán TSCĐ vô hình, phần mềm kế toán và phần mềm quản lý khác và mở thêm TK cấp 2 theo thẩm quyền để phản ánh hao mòn tài sản vô hình.

7. Thực hiện tốt các nội dung:

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý tài sản, kiểm kê tài sản đối với các nội dung được nêu tại khoản 2, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tiếp tục rà soát các công trình XDCB của các nguồn kinh phí từ năm 2023 trở về trước để phản ánh vào sổ kế toán, nhằm quản lý và sử dụng.

8. Làm việc với các cơ quan liên quan để hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP

ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

9. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý CCDC và thông qua kiểm kê để xác định các tài sản là CCDC theo quy định của Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị (nay là Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính), để mở sổ sách theo dõi, phản ánh và quản lý.

10. Cuối năm, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm kê tài sản theo các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài sản. Nghiêm túc thực hiện tốt công tác quản lý tài sản theo Luật kế toán và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

11. Bỏ, điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế sử dụng, quản lý tài sản công được nêu tại khoản 16, 17 Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

12. Khẩn trương phản ánh vào sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất diện tích của 06 cơ sở nhà đất tại Trung tâm học tập cộng đồng, TSCĐ vô hình theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

13. Thực hiện quản lý Quỹ tài chính ngoài ngân sách đảm bảo quy định được nêu tại khoản 11, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

14. Nâng cao chất lượng các báo biểu; sắp xếp chứng từ kế toán đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, khoa học và theo quy định của pháp luật.

15. Nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu tại khoản 3, khoản 8, khoản 10 mục II và các nội dung khác của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

Trên đây là Kết luận thanh tra tài chính tại UBND thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Trong thời hạn 30 ngày; kể từ ngày gửi kết luận này, yêu cầu UBND thị trấn báo cáo kết quả đã thực hiện theo Kết luận thanh tra về Thanh tra Sở Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận

- UBND thị trấn Cửa Việt;
- Phòng TC - KH huyện Gio Linh;
- Giám đốc (Báo cáo);
- Lưu: TTra.



Hoàng Thanh Hải

**BẢNG CHI TIẾT QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2023
CỦA UBND THỊ TRẤN CỬA VIỆT**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của
Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH QT/DT (%)
I	Chi ngân sách trong năm	7.930.036.180	8.801.480.152	
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	0
2	Chi thường xuyên	977.656.000	1.015.173.620	
-	Chi quốc phòng	331.000.000	388.442.120	117,35%
-	Chi an ninh, trật tự	378.200.000	383.838.500	101,49%
-	Chi sự nghiệp giáo dục	50.000.000	8.952.000	17,90%
-	Chi sự nghiệp Văn hóa, Thông tin (36 tr thôn – KDC)	65.000.000	92.810.000	142,78%
-	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	13.800.000	22.790.000	165,14%
-	Chi sự nghiệp xã hội	49.128.000	56.088.000	114,17%
+	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	49.128.000	56.088.000	114,17%
-	Chi sự nghiệp kinh tế	41.400.000	62.253.000	150,37%
3	Chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể	4.078.272.000	4.912.197.580	
-	Quản lý nhà nước	2.365.878.000	2.905.511.139	122,8%
-	Đảng Cộng sản Việt Nam	687.321.000	829.390.093	120,67%
-	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	312.621.000	338.769.394	108,36%
-	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	165.433.000	181.254.930	109,56%
-	Hội liên hiệp phụ nữ	165.955.000	149.650.184	90,18%
-	Hội CCB	151.471.000	167.266.640	110,43%

-	Hội Nông dân	185.873.000	203.366.400	109,41%
-	Chi hỗ trợ các hội khác	43.620.000	136.988.800	314,05%
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			
5	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	2.874.108.180	2.874.108.980	
5.1.	<i>Nguồn trích CCTL (bao gồm: 70% tăng thu so với dự toán năm 2023; 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023, nguồn CCTL năm trước còn lại)</i>	1.786.020.000	1.786.020.000	
5.2.	<i>Kinh phí bổ sung sau ngày 30/9</i>	127.099.302	127.099.330	
5.3.	<i>Kinh phí sau 30/9 chưa phân bổ dự toán (Kinh phí hỗ trợ giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn huyện Gio Linh theo Nghị quyết 55 HĐND tỉnh (Quyết định 4396 QĐ UBND huyện Gio Linh))</i>	153.125.000	153.125.000	
5.4.	<i>Kinh phí TX nguồn tự chủ (nguồn 14)</i>	12.778.302	12.778.302	<i>Chi cho cán bộ bán chuyên trách trong năm 2023 không chi do CB đã Mất</i>
5.5.	<i>Kinh phí TX nguồn tự chủ (nguồn 13)</i>	8.742.874	8.742.874	
5.6.	<i>Nguồn kết dư (trong đó: dự phòng, tăng thu, tiết kiệm chi, nguồn khác)</i>	786.343.474	786.343.474	
	<i>Trong đó:</i>			
-	<i>Dự phòng (2022 chuyển sang)</i>	97.400.000	97.400.000	
-	<i>Dự phòng (2023 chuyển sang)</i>	99.900.000	99.900.000	

**BẢNG CHI TIẾT QUYẾT TOÁN THU NĂM 2023
CỦA UBND THỊ TRẤN CỬA VIỆT**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của
Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH QT/DT (%)
I	Thu ngân sách trong năm	5.106.700.000	8.801.480.180	172,35%
1	Thu tại xã	278.600.000	949.990.282	340%
1.1.	Các khoản thu xã hưởng 100%	60.000.000	31.894.000	45,16%
-	<i>Phí, lệ phí (phí chứng thực)</i>	37.000.000	31.894.000	53,16%
-	<i>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</i>	23.000.000	0	0
1.2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	218.600.000	918.096.282	419,99%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	11.723.772	234,48%
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21.000.000	25.445.000	121,17%
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	0	230.934.727	0
-	Thuế GTGT	79.100.000	126.844.910	160,36%
-	Thuế TNCN (từ bất động sản)	113.500.000	504.667.873	444,64%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	18.480.000	0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.828.100.000	5.105.076.000	105,74%
2.1.	Bổ sung cân đối ngân sách	4.583.900.000	4.660.900.000	101,68%
2.2.	Bổ sung có mục tiêu (CTMT QG, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương...)	244.200.000	444.176.000	181,89%
3	Thu chuyển nguồn ngân sách từ năm 2022 chuyển sang	0	2.746.413.898	0
3.1.	Nguồn CCTL (bao gồm: 70% tăng thu so với dự toán năm	0	1.567.890.000	0

	2022; 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2022, nguồn CCTL năm trước còn lại)			
3.2.	Kinh phí nguồn 13 tự chủ	0	8.019.806	0
3.3.	Kinh phí bổ sung sau 30/9	0	15.500.000	0
3.4.	Dự phòng	0	97.400.000	0
3.5.	Kết dư, tăng thu, tiết kiệm chi	0	1.057.604.092	0

**TỔNG HỢP QUẢN LÝ TÀI SẢN CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT
CỦA UBND THỊ TRẤN CỬA VIỆT**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024
của Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

TT	Đơn vị	Tổng hợp		
		Chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chưa làm chuyển đổi tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xác định giá trị quyền sử dụng đất chưa đúng quy định
1	2	3	4	5
01	UBND thị trấn Cửa Việt (13 cơ sở) Trong đó: - Chưa làm giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất gồm: Cơ sở tại khu phố 3 Hội chữ thập đỏ (355m ²); khu phố 3 Hội Phụ nữ (230 m ²); khu phố 1 (863,80m ²); khu phố 3 (931m ²); khu phố 5 (1.574m ²); khu phố 6 (692m ²) - Chưa chuyển đổi tên chủ sở hữu gồm: Cơ sở tại khu phố 4 (230m ²); khu phố 8 (501m ²)	6 cơ sở	2 cơ sở	07 cơ sở

BÁO CÁO SỐ LIỆU XÂY DỰNG CƠ BẢN CỦA UBND THỊ TRẤN CỬA VIỆT

(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 01/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chánh thanh tra Sở Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Tên công trình	Giá trị phê duyệt TMBĐT				Giá trị phê duyệt dự toán				Giá trị phê duyệt trúng thầu		Giá trị nghiệm thu		Giá trị đã thanh toán		Đã phê duyệt dự án hoàn thành hay chưa
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Xây lắp	Khác	Xây lắp	Khác	Xây lắp	Khác	Xây lắp	Khác	
			Xây lắp	Khác		Xây lắp	Khác									
	Năm 2023	3.192.252	3.023.472	287.562	1.549.031	2.682.591	515.686	2.025.755	494.048	2.008.529	481.480	2.718.634	389.499			
1	Trụ sở UBND thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trung tâm học tập cộng đồng	478.976	451.770	51.010	451.770	451.770	51.453	451.770	51.010	451.770	33.165	427.966	33.165		Đã phê duyệt hoàn thành	
2	Sân thể dục thể thao trường THCS thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, hoán đổi đất, tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.	21.195		21.195			21.195				21.195		21.195		Đã phê duyệt hoàn thành	
3	Trạm y tế thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất.TĐó: đền bù GPMB: 325.926, xl: 14955	392.146	340.881	51.265			51.265	340.881	51.265	340.881	35.347	340.881	35.347		Đã phê duyệt hoàn thành	
4	Sửa chữa Trung tâm học tập cộng đồng khu phố 6, thị trấn Cửa Việt	299.935	263.808	36.127			263.808	263.808	263.808	263.808	263.808				Đã phê duyệt hoàn thành	
5	Trụ sở UBND thị trấn Cửa Việt; hạng mục: Xây dựng mới phòng một cửa	900.000	997.717			997.717						997.717	171.827			
6	Sửa chữa, khác phục chợ thị trấn Cửa Việt	1.100.000	969.296	127.965	1.097.261	969.296	127.965	969.296	127.965	952.070	127.965	952.070	127.965		Đã duyệt hoàn phê duyệt	